

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HS-ST

Ngày: 01 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2019/HSST – QĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T. Sinh năm 1996 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hoàng T và bà: Thái Thị V; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/5/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang

Chỗ ở: Công trình xây dựng thuộc tổ 5, ấp T, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

2/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

HKTT: Phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang

Chỗ ở: Công trình xây dựng thuộc tổ 5, ấp T, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 30 ngày 22/5/2019 Nguyễn Văn T điều khiển xe máy, biển số 72K1-0151. Khi đến công trình xây dựng thuộc ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, T thấy bên trong công trình có 01 lán trại, không có cổng rào nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dừng xe bên ngoài, đi bộ vào bên trong, trông thấy anh Nguyễn Thanh H ngủ trên ghế bô và chị Nguyễn Thị D ngủ trên sàn gỗ, phía trên đầu để 02 điện thoại di động nên T lấy 02 điện thoại trên bỏ vào túi quần bên trái, quay ra định tẩu thoát thì bị chị D phát hiện tri hô, cùng anh H bắt quả tang T cùng tang vật.

Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận: 02 điện thoại di động bị Tốn chiếm đoạt trị giá 3.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4+ màu vàng, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E4 màu trắng, model: SM-N910PUD, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, model 107 (Imei 1:359995/05/617156/2, Imei 2: 359995/05/617157/0), 01 đồng hồ hiệu Starhao màu vàng đã qua sử dụng, 01 đồng hồ hiệu Starhao có dây đeo màu đen đã qua sử dụng và 222.000 đồng, là tài sản riêng của Nguyễn Văn T.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 72K1-0151, T khai mượn của người bạn tên Đ (không rõ lai lịch) để làm phương tiện đi lại. Qua xác minh xe thuộc chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thu T, đã bán cho ông Phùng Trí Đ1, sau đó ông Đ1 bán cho ông T (không rõ lai lịch), Cơ quan điều tra đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 144/CT-VKS-HS ngày 26/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn văn Tốn từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E4 màu trắng, model: SM-N910PUD, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, model 107 (Imei 1:359995/05/617156/2, Imei 2: 359995/05/617157/0), 01 đồng hồ hiệu Starhao màu vàng đã qua sử dụng, 01 đồng hồ hiệu Starhao có dây đeo màu đen đã qua sử dụng và 222.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 72K1-0151, T khai mượn của người bạn tên Đ (không rõ lai lịch) để làm phương tiện đi lại. Qua xác minh xe thuộc chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thu T, đã bán cho ông Phùng Trí Đ1, sau đó ông Đ1 bán cho ông T (không rõ lai lịch), Cơ quan điều tra đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phân xét hỏi và tranh tụng công khai, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận nhằm mục đích có tiền tiêu xài nên khoảng 02 giờ 30 ngày 22/5/2019 bị cáo đã lén lúc đột nhập vào công trình xây dựng thuộc ấp T, xã T, huyện Hóc Môn lấy trộm 02 điện thoại di động của anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị D bỏ vào túi quần bên trái thì bị bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động, kết luận định giá 3.800.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội ‘Trộm cắp tài sản’. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong nhân dân. Bản thân các bị cáo nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cho bản thân, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại lớn. Do đó, cần

cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập, sống lang thang, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E4 màu trắng, model: SM-B910PUD, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, model 107 (Imeil 1:359995/05/617156/2, Imeil 2: 359995/05/617157/0), 01 đồng hồ hiệu Starhao màu vàng đã qua sử dụng, 01 đồng hồ hiệu Starhao có dây đeo màu đen đã qua sử dụng và 222.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter, biển số 72K1-0151, T khai mượn của người bạn tên Đ (không rõ lai lịch) để làm phương tiện đi lại. Qua xác minh xe thuộc chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thu Tg, đã bán cho ông Phùng Trí Đ1, sau đó ông Đ1 bán cho ông T (không rõ lai lịch). Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe cho họ. Trường hợp quá thời hạn trên mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước”.

[7] Về dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4+ màu vàng, ngoài ra, người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xem xét.

[8] Về án phí HSST: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2019.

2/. Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E4 màu trắng, model: SM-N910PUD, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, model 107 (Imei 1: 359995/05/617156/2, Imei 2: 359995/05/617157/0), 01 đồng hồ hiệu Starhao màu vàng, 01 đồng hồ hiệu Starhao có dây cao su màu đen.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/10/2019).

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Jupiter biển số 72K1-0151, số khung 5VT24YA-044330; Số máy: 5VT2-44330. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp. Nếu có người xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại xe cho họ. Trường hợp quá thời hạn trên mà không có chủ sở hữu nào đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước”.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/10/2019).

- Trả lại cho bị cáo T 222.000 đồng.

(Theo Lệnh xuất vật chứng số 143/LXK-CSĐT-ĐTTH ngày 18/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn).

3/. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H.Hóc Môn;
- VKSND Tp.HCM;
- CQĐT Công an H.HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng